

LÊ VĂN LỢI*

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC KẾ THỪA, PHÁT HUY GIÁ TRỊ CỦA PHẬT GIÁO TRONG SỰ NGHIỆP GIẢI PHÓNG DÂN TỘC VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

Tóm tắt: Chủ tịch Hồ Chí Minh, người anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa kiệt xuất, là người hội tụ những phẩm chất cao đẹp nhất của con người Việt Nam. Tư tưởng của Người là sự kết tinh truyền thống văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, trong đó có tinh hoa Phật giáo. Với đạo đức sáng ngời và tầm nhìn của một nhà tư tưởng, nhà cách mạng vĩ đại, Người đã tìm thấy ở Phật giáo những giá trị nhân văn cao đẹp cần kế thừa, phát huy trong thực tiễn cách mạng. Tư tưởng của Người thấm đẫm tinh thần “từ bi hỉ xả, vô ngã vị tha” của Phật giáo. Là người luôn thống nhất giữa tư tưởng và hành động, Người luôn tìm cách khích lệ, vận động Phật tử, mọi người dân Việt Nam phát huy giá trị, truyền thống văn hóa tốt đẹp của Phật giáo trong công cuộc xây dựng đất nước và góp phần vào đấu tranh cho hòa bình thế giới. Tư tưởng Hồ Chí Minh về kế thừa, phát huy tinh hoa Phật giáo có giá trị khoa học và ý nghĩa thực tiễn to lớn đối với công cuộc đổi mới đất nước hiện nay.

Từ khóa: Chủ tịch Hồ Chí Minh; kế thừa; phát huy; Phật giáo; giải phóng dân tộc; Việt Nam.

Dẫn nhập

Chủ tịch Hồ Chí Minh, người anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa kiệt xuất, người bạn thân thiết của các dân tộc bị áp bức và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới, là người hội tụ những phẩm chất cao đẹp nhất của con người Việt Nam. Tư tưởng của Người là sự kết tinh của truyền thống văn hóa dân tộc Việt Nam với những

* Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

Ngày nhận bài: 19/12/2021; Ngày biên tập: 19/01/2022; Duyệt đăng: 27/01/2022.

giá trị đặc sắc, tiêu biểu như: chủ nghĩa yêu nước, tinh thần nhân văn, tinh thần tự cường và đoàn kết dân tộc, tinh thần lao động cần cù, sáng tạo, tinh thần hòa hiếu... Tư tưởng của Người còn là sự kết tinh của tinh hoa văn hóa nhân loại, cả văn hóa phương Đông và văn hóa phương Tây, trong đó có những giá trị tinh hoa của các triết thuyết, tôn giáo lớn trên thế giới. Du nhập vào Việt Nam vào khoảng đầu thế kỷ I, trải qua biết bao thăng trầm của lịch sử, Phật giáo luôn gắn bó, đồng hành cùng dân tộc Việt Nam, đóng góp to lớn nhiều mặt vào quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Trên thực tế, Phật giáo Việt Nam đã trở thành một thành tố hữu cơ của truyền thống và văn hóa Việt Nam. Đó là một trong những cơ sở để Hồ Chí Minh kế thừa và phát huy những tinh hoa của Phật giáo trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và xây dựng, phát triển đất nước.

1. Ảnh hưởng của Phật giáo đối với Hồ Chí Minh

Hồ Chí Minh tiếp thu tư tưởng Phật giáo từ truyền thống dân tộc, gia đình và từ những trải nghiệm Phật giáo trên hành trình tìm đường cứu nước.

Khác với một số tôn giáo khác du nhập vào Việt Nam bằng con đường chiến tranh và ép buộc từ những thế lực thống trị ngoại bang, Phật giáo du nhập vào Việt Nam bằng con đường hòa bình. Ngay từ buổi đầu du nhập vào Việt Nam, Phật giáo đã nhận được thiện cảm của người dân Việt Nam, bởi họ nhận thấy tư tưởng Phật giáo rất gần gũi với những triết lý nhân sinh và lối sống nghĩa tình của dân tộc mình. Hơn nữa, trong hoàn cảnh bị thế lực phong kiến Trung Hoa đe dọa, người dân Việt Nam đến với Phật giáo với tâm thức chống lại sự đồng hóa và tìm ngọn cờ tư tưởng để xây dựng nền độc lập, tự chủ. Khi dân tộc Việt bước vào thời kỳ độc lập tự chủ (năm 905) Phật giáo trở thành hệ tư tưởng chủ đạo, là tư tưởng để các triều đại Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần củng cố nền độc lập và xây dựng tinh thần tự cường dân tộc. Trải qua hàng ngàn năm lịch sử với biết bao thăng trầm, Phật giáo luôn gắn bó, đồng hành cùng dân tộc và đóng góp to lớn vào công cuộc đấu tranh dựng và giữ nước của nhân dân Việt Nam. Riêng trong lĩnh vực văn hóa, đúng như tác giả Nguyễn Tài Thư đã nhận định: “Trong suốt chiều dài lịch sử, Phật giáo đã để lại cho dân tộc ta nhiều

dấu ấn, có thể thấy từ tín ngưỡng cho đến văn hóa, phong tục tập quán, từ thế giới quan cho đến nhân sinh quan, tư tưởng cho đến tình cảm”¹. Rõ ràng, Phật giáo với những tư tưởng nhân văn, từ bi, hỉ xả, cứu khổ cứu nạn,... có ảnh hưởng sâu đậm đến văn hóa dân tộc cũng như in đậm trong tư tưởng, tình cảm và lối sống của mỗi con người Việt Nam.

Theo tác giả Phùng Hữu Phú và Thích Minh Trí, Phật giáo đã ảnh hưởng tới Hồ Chí Minh từ thuở thiếu thời, thông qua những người thân trong gia đình mà trước hết là từ bà ngoại Nguyễn Thị Kép và thân sinh của Người là cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc. Lúc còn trẻ, cụ Nguyễn Thị Kép là một người con gái rất đẹp, nét na và có tài ca hát, thường tham dự các buổi sinh hoạt văn hóa dân gian ở các đình, đền, chùa. Về già, cụ rất mộ đạo Phật và thường thăm viếng, dâng hương hoa ở các chùa chiền. Tư tưởng mộ Phật của cụ ảnh hưởng đến nhận thức và tình cảm của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngay từ thuở thiếu thời². Cụ Nguyễn Sinh Sắc là một nhà nho, theo con đường khoa bảng, đỗ Phó bảng rồi ra làm quan một thời gian cho triều đình nhà Nguyễn. Cụ không chỉ thông kinh sử Nho giáo mà còn rất am hiểu Phật giáo. Thời kỳ làm quan cho triều đình, cụ chán ghét cảnh quan trường ô trọc nên thường lui tới các chùa chiền ở Kinh thành Huế đàm đạo về nhân tình, thế thái với các cao tăng và các nhà nho yêu nước khác. Sau khi rời bỏ quan trường vào nam sinh sống cuộc đời ẩn dật của một nhà nho yêu nước chân chính, cụ vẫn dành tình cảm sâu nặng với Phật giáo. Tư tưởng yêu nước thương dân và tấm gương sống thanh bạch, thấm đượm tinh thần Phật giáo của cụ thân sinh đã thấm vào tâm hồn Hồ Chí Minh từ thuở thiếu thời.

Trên hành trình tìm đường cứu nước, có lúc Người đã trải nghiệm cuộc sống của một nhà tu hành Phật giáo. Năm 1927, khi đến Thái Lan hoạt động cách mạng, Hồ Chí Minh đã được sự giúp đỡ tận tình của chư tăng, Phật tử. Người sống cuộc sống giản dị, thanh bạch, hằng ngày đi khất thực và nghiên cứu về giáo lý Phật giáo. Người cũng đã vận động Việt kiều ủng hộ và chủ trì xây dựng ngôi chùa rất lớn ở tỉnh Udon - đông bắc Thái Lan³. Chính nhờ trải nghiệm cuộc sống và tu

tập của một nhà tu hành đã giúp Người thấu triệt giáo lý, thấm nhuần sâu sắc những tư tưởng nhân đạo, nhân văn của Phật giáo.

Ảnh hưởng của Phật giáo đối với Hồ Chí Minh thể hiện rõ nét ở thái độ trân trọng, tình cảm chân thành của Người đối với Phật giáo và dấu ấn triết lý Phật giáo trong tư tưởng của Người

Dù trong hoàn cảnh và cương vị nào, thái độ, tình cảm của Người đối với Phật giáo đều nhất mực trân trọng và gần gũi. Sau 30 năm ra đi tìm đường cứu nước, năm 1941, Chủ tịch Hồ Chí Minh trở về tổ quốc để trực tiếp lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam. Tại Pắc Pó, tỉnh Cao Bằng, nơi Người chọn làm điểm dừng chân để gây dựng tổ chức và chỉ đạo phong trào cách mạng, trong điều kiện hết sức khó khăn, “Bác vẽ một bức ảnh Phật treo trên vách đá cho quần chúng có chỗ lễ”⁴. Năm 1945, ngay sau khi nước nhà giành được độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến chùa Bà Đá tham dự lễ cầu siêu cho linh hồn đồng bào, chiến sĩ hy sinh vì tổ quốc. Khi thực dân Pháp quay lại xâm lược Việt Nam một lần nữa, tại hang đá chùa Trầm (Hà Nội), Người đã đọc “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” vào ngày 19-12-1946. Trên cương vị Chủ tịch nước, dù công việc hết sức bận rộn, Người vẫn nhiều lần dành thời gian đến các đền, chùa thành kính thắp hương lễ Phật. Theo lời kể của người cận vệ lâu năm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, mỗi lần đến thăm chùa, “Bác dừng lại để dép ở ngoài như mọi người, xong mới bước vào và giữ đúng mọi nghi thức như người dân đến lễ”⁵. Đồng thời, Người luôn nhắc nhở cán bộ địa phương phải quan tâm giữ gìn, bảo quản, tôn tạo chùa sạch đẹp. Năm 1958, trong chuyến thăm chính thức Ấn Độ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến chùa lễ Phật. Tổng thống Ấn Độ tặng Người cây bồ đề nhỏ được chiết từ cành cây bồ đề nơi Đức Phật Thích ca thành đạo. Người đã cho trồng ở chùa Trấn Quốc ở Thủ đô Hà Nội, ngôi chùa linh thiêng trấn giữ non sông đất nước.

Tìm hiểu các trước tác của Chủ tịch Hồ Chí Minh có thể thấy triết lý Phật giáo ghi dấu sâu đậm trong tư tưởng của Người. Dấu ấn của Phật giáo trong tư tưởng Hồ Chí Minh thể hiện trước hết ở những bài viết, bài nói chuyện, thư từ của Người gửi cho các Phật tử và nhân dân, trong đó, Người luôn ghi nhận, đánh giá cao những giá trị tư

tưởng trong giáo lý Phật giáo và trân trọng những đóng góp của Đức Phật đối với chúng sinh nhân loại. Người nói về cuộc đời và con đường cứu nhân độ thế của Đức Phật với lòng kính mộ: “Đức Phật là đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn, muốn cứu chúng sinh ra khỏi khổ nạn, Người phải hi sinh tranh đấu, diệt lũ ác ma”⁶. Người khẳng định Đức Phật và những người sáng lập ra các tôn giáo chân chính là hiện thân của khát vọng tự do, bình đẳng, ấm no, hạnh phúc và thế giới đại đồng.

Dấu ấn triết lý Phật giáo không chỉ thể hiện ở những bài viết, bài nói của Người đối với Phật tử và nhân dân, mà còn thể hiện sâu đậm trong toàn bộ tư tưởng của Người. Mỗi lời nói, trang viết và hành động của Người đều thấm đẫm tinh thần nhân bản, nhân đạo, nhân văn, vốn là nét đặc trưng của Phật giáo. Nếu như triết lý Phật giáo đề cao “từ, bi, hỷ, xả” thì trong tư tưởng Hồ Chí Minh đó là tình yêu thương vô hạn đối với con người, thấu hiểu nỗi thống khổ của con người, là vui sướng với hạnh phúc của nhân dân, là thái độ sống “tự nhiên, như nhiên” trước mọi khó khăn, gian khổ. Nếu như triết lý Phật giáo đề cao “vô ngã, vị tha”, thì trong tư tưởng Hồ Chí Minh đó là tinh thần hi sinh, quên mình vì nước, vì dân, là lòng bao dung rộng lớn. Nếu triết lý Phật giáo đề cao “cứu khổ cứu nạn”, thì trong tư tưởng Hồ Chí Minh đó là tinh thần đấu tranh cho độc lập dân tộc, hạnh phúc của nhân dân và hòa bình thế giới. Triết lý “Bát chính đạo” của Phật giáo ghi dấu ấn rất rõ trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng cán bộ và rèn luyện đạo đức cách mạng. Trong triết lý Phật giáo còn có nhiều giá trị đạo đức như “thập thiện”, “tứ ân”, “lục độ, lục hòa”... đều ghi dấu ấn trong tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.

Đặc biệt, nói đến dấu ấn Phật giáo trong tư tưởng Hồ Chí Minh không thể không đề cập đến những bài thơ mang “hương vị thiền” của Người. Trong những tháng ngày bị quân đội Tưởng Giới Thạch bắt giam và chuyển hết từ nhà tù này sang nhà tù khác, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sáng tác tập *Ngục trung nhật ký* với nhiều tuyệt tác, trong đó có những bài mang màu sắc, hương vị thiền rất rõ rệt. Ngay từ bài thơ

đầu tiên, được Chủ tịch Hồ Chí Minh chép ở ngoài bìa thay cho lời đề từ tập thơ, đã tỏa hương sắc thiên:

Thân thể ở trong lao
 Tinh thần ở ngoài lao
 Muốn nên sự nghiệp lớn
 Tinh thần càng phải cao⁷

Trong hoàn cảnh chịu cảnh lao tù khổ cực, cay đắng, tinh thần ngoan cường của chiến sĩ cách mạng hợp nhất với tâm thiên, với sự lắng đọng đã dẹp đi những xáo động, vọng tưởng để thấu triệt đạo lý của “vô thường vô ngã”, từ đó giúp Hồ Chí Minh vượt khỏi trạng thái thể xác bị giam cầm để đạt tới tự do của thiên, tạo thành sức mạnh không có ngục tù nào giam hãm nổi. Tinh thần thiên định, siêu thoát tự do thấm đượm trong cảm hứng thi ca của Người: khi ở trong ngục tối, tâm thiên lắng tạo thành cảm hứng sáng khoái “Tạnh, mưa, mây nổi bay đi hết/ Còn lại trong tù khách tự do”⁸; khi chịu cảnh áp giải đi sớm, tâm thiên chuyển thành thi hứng:

Phương Đông màu trắng chuyển sang hồng
 Bóng tối đêm tàn, sớm sạch không;
 Hơi ẩm bao la trùm vũ trụ,
 Người đi, thi hứng bỗng thêm nồng⁹

Trên đường bị khổ ải, lưu đày thường xuyên rất dễ gây cảm giác buồn bã, bi quan, nhưng với Người, vẫn ung dung tự tại để thả tâm hồn vào những vần thơ mang hương vị thiên: “Chim mỗi về rừng tìm chốn ngủ/Chòm mây trôi nhẹ giữa tầng không”, hoặc hướng hồn hòa vào cuộc sống, lắng nghe nhịp sống bằng tâm thiên:

Gió sắc tựa gươm mài đá núi,
 Rét như dùi nhọn chích cành cây;
 Chùa xa chuông giục người nhanh bước,
 Trẻ dẫn trâu về tiếng sáo bay¹⁰

Hơn 130 bài thơ với nhiều chủ đề được Người viết trong hoàn cảnh lao tù, bị xiềng xích, đói rét, bệnh tật, nhưng không một bài nào thể

hiện sự bi quan, thoái chí, ngược lại mỗi bài thơ đều thể hiện tinh thần lạc quan yêu đời, ý chí tôi luyện tinh thần cách mạng. Triết lý, tinh thần Phật giáo thấm sâu trong tâm hồn người chiến sĩ cách mạng Hồ Chí Minh, nâng bước chân Người trên hành trình cứu nước.

3. Hồ Chí Minh kế thừa, phát huy tinh hoa, giá trị tư tưởng Phật giáo trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng, phát triển đất nước

Đề cập đến dấu ấn Phật giáo trong tư tưởng Hồ Chí Minh và Hồ Chí Minh kế thừa, phát huy tinh hoa tư tưởng Phật giáo thực chất là đề cập đến hai chiều cạnh của cùng một mối quan hệ. Trong đó, Phật giáo ảnh hưởng sâu đậm đến tư tưởng Hồ Chí Minh và chính Hồ Chí Minh đã chủ động kế thừa, phát huy nhiều giá trị tinh hoa của Phật giáo trong sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng, phát triển đất nước.

Kế thừa, phát huy tinh hoa, giá trị Phật giáo trong xây dựng đường lối cứu nước

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp thu, kế thừa, phát triển những giá trị nhân bản trong triết lý Phật giáo cùng nhiều giá trị nhân bản khác của văn hóa dân tộc, văn hóa nhân loại để hình thành tư tưởng giải phóng dân tộc đúng đắn. Vào giữa thế kỷ XIX, Việt Nam rơi vào ách thống trị của thực dân Pháp, trở thành một nước thuộc địa nửa phong kiến. Nhân dân Việt Nam oằn mình chịu hai tầng áp bức, bóc lột - của chính quyền thực dân và của triều đình nhà Nguyễn tay sai. Không khuất phục trước ách thống trị của chế độ thực dân nửa phong kiến, nhân dân Việt Nam liên tục nổi dậy chống lại, nhưng mọi cuộc kháng chiến dựa trên hệ tư tưởng phong kiến đều thất bại. Đầu thế kỷ XX, các sĩ phu yêu nước đã tìm kiếm con đường cứu nước khác: một nhóm sĩ phu yêu nước mà tiêu biểu là chí sĩ Phan Châu Trinh muốn cứu nước bằng cách canh tân đất nước, nâng cao trình độ dân trí, chấn hưng dân khí, cải thiện dân sinh, làm cho đất nước mạnh lên để có thể đàm phán với thực dân Pháp về quyền độc lập của Việt Nam; một nhóm sĩ phu yêu nước khác mà đứng đầu là Phan Bội Châu chủ trương lật đổ chính quyền thực dân để xây dựng chế độ quân chủ lập hiến, dựa trên sự giúp đỡ của đế quốc Nhật. Nhưng cả hai con đường

cứu nước đó đều thất bại, công cuộc giải phóng dân tộc rơi vào bế tắc về đường lối. Trước hoàn cảnh đó, với tinh thần yêu nước, thương dân sâu sắc, nồng nàn, với ý chí “cứu khổ cứu nạn” đã được thấm nhuần từ rất sớm, người thanh niên Nguyễn Tất Thành đã ra đi tìm đường cứu nước. Trên hành trình đó, Người đã nghiên cứu nhiều triết thuyết, nhiều chủ nghĩa, để rồi đến với chủ nghĩa Mác - Lênin. Tuy nhiên, Người không rập khuôn một cách máy móc, cứng nhắc, ngược lại đã vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Cùng với việc vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, Người còn chất lọc, tiếp thu và phát huy giá trị truyền thống văn hóa dân tộc và tinh hoa của nhiều triết thuyết, tôn giáo như: Phật giáo, Công giáo, Nho giáo, tư tưởng Tôn Dật Tiên,... Với mỗi học thuyết, tôn giáo, Người đều lựa chọn những nét đặc sắc, tinh hoa nhất để xây dựng đường lối cứu nước. Người đã tổng kết: “Chúa Giêsu dạy: Đạo đức là bác ái; Phật Thích Ca dạy: Đạo đức là từ bi; Khổng Tử dạy: Đạo đức là nhân nghĩa”¹¹.

Với Phật giáo, nét đặc sắc chính là tinh thần “từ bi”, tình yêu thương con người. Tinh thần đó đã được Người tiếp thu, kế thừa và phát triển trong tư tưởng về độc lập dân tộc, ấm no, hạnh phúc của nhân dân, như lời Người bộc bạch: “Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”¹².

Kế thừa, phát huy tinh hoa, giá trị Phật giáo vào việc hình thành tư tưởng gắn bó, phát huy sức mạnh của nhân dân

Phật giáo chủ trương “Phật tại thế gian” hay “Phật pháp bất li thế gian giác”, tức Phật giáo phải ở giữa thế gian, đạo phải gắn bó với đời. Dân gian Việt Nam phổ biến câu: “Thứ nhất là tu tại gia, thứ hai tu chợ, thứ ba tu chùa” với hàm ý sự thành đạo không phải ở chỗ thuộc bao nhiêu kinh sách mà phải thể hiện rõ trong nhân cách, lối sống, ứng xử tốt đẹp hằng ngày với mọi người. Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam chủ trương: Người tu hành muốn giác ngộ thì không thể hoàn toàn từ bỏ thế gian mà phải tham gia vào đời sống xã hội, nhất là trong lúc đất nước cần để chống kẻ thù dân tộc thì phải “nhập thế cứu đời”. Chủ

tịch Hồ Chí Minh cho rằng, người cách mạng phải gắn bó với quần chúng nhân dân, xa dân tức là xa với lý tưởng cách mạng, là mắc bệnh quan liêu, nhất định sẽ dẫn tới sai lầm và mất niềm tin của nhân dân. Người cũng cho rằng, mọi lý luận xa rời thực tế, không gắn với thực tiễn, với đời sống nhân dân đều là lý luận suông, không đem lại lợi ích cho xã hội. Tư tưởng Phật giáo đề cao con người đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh kế thừa và vận dụng trong tư tưởng về quan hệ giữa những người lãnh đạo và nhân dân. Theo Người, dân là gốc của cách mạng, “Dễ mười lần không dân cũng chịu; Khó trăm lần dân liệu cũng xong”¹³. Khi Đảng cách mạng đã trở thành đảng cầm quyền, phải gắn bó với dân, phải phục vụ dân, là “người đầy tớ trung thành của nhân dân”, tránh sa vào bệnh quan liêu, mệnh lệnh, cửa quyền, tham ô, những nhiễu nhương nhân dân. Không những vậy, Đảng, Nhà nước còn phải phát huy quyền làm chủ của nhân dân, phát huy sức mạnh của nhân dân, vì nhân dân chính là chủ nhân và chủ thể của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Kế thừa, phát huy tinh hoa, giá trị Phật giáo trong tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất, đạo đức người cách mạng

Cùng với “Tứ diệu đế”, “Thập nhị nhân duyên”, triết lý “Bát chính đạo”, tức tám con đường đúng để giải thoát khỏi mọi khổ đau của con người là triết lý đặc sắc của Phật giáo. Tám con đường đó bao gồm: Chính kiến, chính tư duy, chính ngữ, chính mạng, chính tinh tấn, chính niệm và chính định. Phật giáo còn có tư tưởng về “lục độ ba-la-mật” tức là phương pháp để độ mình và độ người, bao gồm: Bố thí là để trừ lòng tham; Trì giới (giữ giới) là để trừ ô nhiễm; Nhẫn nhục (nhường nhịn) là để trừ giận hờn; Tinh tấn (chuyên cần) là để trừ lười biếng; Thiền định (chuyên chú) là để trừ loạn tâm và Trí tuệ (sáng suốt) là để trừ si mê. Hệ thống triết lý Phật giáo rất vi diệu, có tác dụng hướng dẫn cho người tu hành cũng như tín đồ, Phật tử tu tập để đạt được cảnh giới Niết bàn. Là người thấm nhuần Nho giáo và Phật giáo, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát huy tối đa thể mạnh của mỗi hệ thống triết lý trong việc tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức mọi người và đặc biệt là của người cách mạng. Bản thân Người là tấm gương ngời sáng về tinh thần rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, là hiện

thân của những phẩm chất đạo đức cách mạng, suốt đời hi sinh vì nước, vì dân.

Trong giáo lý Phật giáo, “tham, sân, si” (tham lam, giận dữ, si mê) được xem là “tam độc” vì chúng là nguyên nhân chính dẫn tới đau khổ của loài người. Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh phải chống chủ nghĩa cá nhân, vì theo Người, đó là thứ vi trùng rất độc, làm nảy sinh nhiều chứng bệnh như: ngại gian khổ khó khăn; sa vào tham ô, hủ hóa; tham danh trục lợi, thích địa vị quyền hành; tự cao tự đại, coi thường tập thể, xem khinh quần chúng; độc đoán chuyên quyền,... Đồng thời, phải thực hiện “cần” (cần cù, chăm chỉ, siêng năng), “kiệm” (tiết kiệm), “liêm” (liêm khiết, thanh liêm), “chính” (ngay thẳng, chính trực). Theo Người, “cần, kiệm, liêm, chính” là bốn đức cao quý, giống như trời có bốn mùa xuân, hạ, thu, đông, đất có bốn phương Đông, Tây, Nam, Bắc, người thiếu một đức thì không thành người. Với người cách mạng, ngoài những đức tính trên, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn yêu cầu phải tuyệt đối trung thành và dấn thân, sẵn sàng hi sinh vì lý tưởng cách mạng, vì đất nước, vì dân tộc. Đồng thời, người cách mạng còn phải “ít có lòng ham muốn về vật chất”, “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”, “chí công vô tư”, tận lực phục vụ nhân dân, luôn có đức “tinh tấn”, ra sức học tập nâng cao trình độ mọi mặt để hoàn thành tốt nhiệm vụ cách mạng.

Kế thừa, phát huy tinh hoa, giá trị Phật giáo trong xây dựng khối đoàn kết dân tộc

Nói đến Phật giáo là nói đến “lục hòa”, sự hòa thuận trong tình thương yêu thánh thiện của tăng đoàn, mở rộng ra là của những người theo Phật giáo. Lục hòa theo quan niệm Phật giáo là một tổng thể gồm 6 nguyên tắc ứng xử để có được sự hòa hợp từ ý nghĩ đến hành động, từ lời nói đến việc làm, từ đóng góp và hưởng thụ, bao gồm: “thân hòa đồng trụ” (trong một tổ chức cùng ăn, cùng ở thì hòa thuận với nhau); “giới hòa đồng tu” (hòa đồng trên nguyên tắc giữ giới luật, quy củ); “khẩu hòa đồng tránh” (lời nói hòa hợp, ôn hòa, không cãi cọ); “ý hòa đồng duyệt” (ý hòa cùng vui); “kiến hòa đồng giải” (biết giải bày cho nhau hiểu) và “lợi hòa đồng quân” (lợi hòa cùng chia sẻ với nhau). Có thể nói, “lục hòa” chính là cơ sở của đoàn kết và đó là một trong những nhân tố làm cho Phật giáo duy trì được sự tồn tại và phát triển.

Trong quá trình lãnh đạo nhân dân Việt Nam thực hiện cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kế thừa truyền thống dân tộc, tinh hoa Tam giáo nói chung, triết lý “lục hòa” của Phật giáo nói riêng để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Tư tưởng của Người về đại đoàn kết toàn dân tộc có nội dung rộng lớn, vừa phản ánh tính quy luật của cách mạng Việt Nam, vừa thể hiện tinh thần nhân văn sâu sắc. Người đúc kết: “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết/Thành công, thành công, đại thành công”. Đặc biệt, Người đã xây dựng nguyên tắc đoàn kết có những điểm tương đồng với “lục hòa” trong giáo lý Phật giáo, đó là: đoàn kết phải được xây dựng trên cơ sở bảo đảm những lợi ích tối cao của dân tộc, quyền và lợi ích của nhân dân; đoàn kết một cách tự giác, có tổ chức, đoàn kết rộng rãi, lâu dài, bền vững; đoàn kết chân thành, thân ái, thẳng thắn theo nguyên tắc tự phê bình và phê bình vì sự thống nhất; đoàn kết dân tộc gắn liền với đoàn kết quốc tế. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết dân tộc đã có sự lan tỏa và tác dụng lớn lao, kết toàn dân tộc Việt Nam, trong đó có đồng bào Phật giáo thành một khối thống nhất trong công cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng đất nước.

Kế thừa, phát huy tinh hoa, giá trị Phật giáo trong xây dựng thế giới hòa bình

Cùng với triết lý “lục hòa”, Phật giáo còn có quan niệm chúng sinh ai cũng có Phật tính, bất cứ ai tu hành theo con đường chính đạo, đều có thể khai mở được “bản tính Phật” và đạt đến trạng thái Niết bàn. Quan niệm chúng sinh là bình đẳng, do đó Phật giáo phản đối mọi sự áp bức, bất công và chủ trương xây dựng mọi xã hội giàu “Phật tính”, mọi người thương yêu nhau, “tứ hải giai huynh đệ”. Hồ Chí Minh thấu triệt tư tưởng Phật giáo khi chủ trương đoàn kết quốc tế rộng rãi và nỗ lực cho hòa bình thế giới. Năm 1919, trong bài viết về vấn đề bản xứ, Người đã nêu luận điểm về đoàn kết và hợp tác quốc tế: “Xét về nguyên tắc, tiến bộ chung phụ thuộc vào việc phát triển chủ nghĩa quốc tế; và văn minh chỉ có lợi khi các quan hệ quốc tế được mở rộng và tăng cường”¹⁴. Trên hành trình tìm đường cứu nước, để khơi gợi tinh thần đoàn kết quốc tế, Người đã tham gia tổ chức Hội Liên hiệp thuộc địa và cho xuất bản tờ báo *Người cùng khổ*. Trong một bức thư gửi cho những

người bạn quốc tế, Người viết: “Chúng ta đấu tranh vì một lý tưởng chung: giải phóng đồng bào chúng ta và giành độc lập cho tổ quốc chúng ta. Trong cuộc chiến đấu của chúng ta, chúng ta không cô độc, vì chúng ta có tất cả dân tộc của chúng ta ủng hộ, và vì những người Pháp dân chủ, những người Pháp chân chính, đứng bên cạnh chúng ta”¹⁵. Sau khi Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, trên cương vị người đứng đầu nhà nước, Người chủ trương mở rộng quan hệ quốc tế, ủng hộ cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức, ủng hộ phong trào không liên kết, với 5 nguyên tắc cơ bản của phong trào, thường được gọi là 5 nguyên tắc chung sống hòa bình. Với mong muốn chung sống hòa bình, ngay sau khi Cách mạng tháng Tám thành công, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới ra đời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư cho Tổng thống Hoa Kỳ đề nghị thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước, nhưng vì Mỹ ủng hộ Pháp quay lại xâm lược Việt Nam một lần nữa nên đã không trả lời. Những nỗ lực của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong việc tránh cuộc chiến tranh với Pháp và Mỹ cho thấy hòa bình cho đất nước và hòa bình thế giới luôn là tâm nguyện của Người, tâm nguyện đó có cơ sở từ việc thấm nhuần triết lý Phật giáo.

4. Hồ Chí Minh khuyến khích, vận động Phật tử phát huy giá trị văn hóa tốt đẹp của Phật giáo trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc

Thấm nhuần tinh thần “tự độ tự tha, giác độ giác tha” (độ mình, độ người) của Phật giáo, Chủ tịch Hồ Chí Minh rất chú trọng việc giáo dục tinh thần yêu nước và lý tưởng cách mạng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân. Với mỗi đối tượng, Người có những phương pháp phù hợp với nhận thức, đặc điểm tâm lý và nhu cầu của họ, giống như “khế lý, khế cơ” trong giáo lý Phật giáo. Với Phật tử, Người chú trọng khuyến khích, vận động họ phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp của Phật giáo vào cuộc sống, từ đó có sự đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

Để vận động Phật tử, trước hết, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ mục tiêu, lý tưởng của cách mạng rất gần gũi, và có nhiều điểm tương đồng với lý tưởng Phật giáo. Đó là xây dựng một cuộc sống chí thiện, chí mỹ, mọi người đều tự do, bình đẳng, ấm no, hạnh phúc. Người khẳng định

“Đời sống của nhân dân ta dần dần càng được cải thiện, cũng giống như tôn chỉ mục đích của đạo Phật nhằm xây dựng cuộc đời thuần mỹ, chí thiện, bình đẳng, yên vui và no ấm”¹⁶. Cùng với sự biểu thị lòng kính mộ đối với Đức Phật, Chủ tịch Hồ Chí Minh đánh giá cao những đóng góp của tăng, ni và Phật tử trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Trong “Thư gửi Phật tử Việt Nam” vào năm 1947, Người viết: “Trong cuộc kháng chiến cứu nước, đồng bào Phật giáo đã làm được nhiều. Tôi cảm ơn đồng bào, và mong đồng bào cố gắng thêm, cố gắng mãi, cho đến ngày trường kỳ kháng chiến thắng lợi, thống nhất độc lập thành công”¹⁷. Trước hành động vô cùng dũng cảm đốt mình tự thiêu của Hòa thượng Thích Quảng Đức để phản đối tội ác dã man của Mỹ - Diệm đàn áp Phật giáo, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết: “Ngọn đuốc tự đốt mình của Hòa thượng Thích Quảng Đức đang góp phần vào đám lửa đốt cháy cơ đồ phát xít của Mỹ - Diệm. Khắp miền Nam, khắp cả nước và khắp thế giới đều khâm phục sự hi sinh cao cả vì nước, vì đạo của Hòa thượng Thích Quảng Đức”¹⁸. Người còn chỉ rõ cho nhân dân thấy, nước có độc lập thì đạo Phật mới được mở mang. Từ đó, Người đề nghị tăng, ni, Phật tử dốc sức cho sự nghiệp kháng chiến. Tháng 1-1946, Người đến thăm và đàm đạo với Hòa thượng chủ trì và tăng, ni, Phật tử chùa Quán sứ, Người căn dặn: “Việc Phật không xa rời thế gian, phải tham gia vào công việc của cách mạng, cứu đói, diệt dốt”¹⁹. Trong thư gửi Phật tử nhân dịp kỷ niệm ngày Đức Phật Thích Ca thành đạo, Người viết: “Tôi mong các vị tăng ni và đồng bào tín đồ đã đoàn kết thì càng đoàn kết hơn để góp phần xây dựng hòa bình chóng thắng lợi. Hãy ra sức giúp đỡ cán bộ, hăng hái thực hiện mọi công tác của chính phủ, chấp hành đúng chính sách tôn trọng tự do tín ngưỡng, ngăn chặn âm mưu của Mỹ - Diệm và bọn tay sai lợi dụng tôn giáo hòng chia rẽ khối đoàn kết toàn dân”²⁰. Trong thư gửi Đại hội Phật giáo lần thứ III vào ngày 28-9-1964, sau khi đánh giá cao công lao của giới tăng, ni, Phật tử trong công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc, Người căn dặn: “Đồng bào Phật giáo cả nước, từ Bắc đến Nam, đều cố gắng thực hiện lời Phật dạy: Lợi lạc quần sinh, vô ngã vị tha”²¹. Thực hiện lời căn dặn của Người, tăng, ni, Phật tử cả nước đã ra sức thi đua lao động sản xuất và chiến đấu, góp phần quan trọng vào sự thắng lợi của sự nghiệp giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước.

Sở dĩ Chủ tịch Hồ Chí Minh đã rất thành công trong việc vận động những người theo Phật giáo tham gia công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là bởi: (i) Đức hi sinh vì nước vì dân, tấm gương đạo đức sáng ngời của Người có nhiều điểm tương đồng với Đức Phật nên bà con Phật tử nhất mực kính trọng Người, làm theo tấm gương của Người; (ii) Người rất am hiểu Phật giáo, kính mộ Đức Phật, nên đã hướng Phật tử phát huy những giá trị tinh hoa của Phật giáo; (iii) Sự quan tâm của Người đối với các tín đồ tôn giáo nói chung, Phật tử nói riêng đã xóa đi mặc cảm, củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng, Chính phủ và sự thắng lợi của sự nghiệp cách mạng; (iv) Chính sách “tín ngưỡng tự do, lương giáo đoàn kết” do Người khởi xướng cùng với cơ chế bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo đã động viên và tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân tích cực tham gia vào công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy giá trị của Phật giáo với công cuộc đổi mới đất nước hiện nay

Đã hơn 50 năm trôi qua từ khi Chủ tịch Hồ Chí Minh “về với thế giới người hiền”, nhưng tư tưởng của Người nói chung và tư tưởng của Người về phát huy giá trị của Phật giáo vẫn còn nguyên giá trị và có ý nghĩa to lớn trên nhiều phương diện đối với công cuộc đổi mới toàn diện và đồng bộ của Việt Nam hiện nay.

Một là, gọi mở về mô hình phát triển bao trùm, lấy con người làm trung tâm, không bỏ ai ở lại phía sau. Trong khai thác, phát huy tinh hoa và giá trị Phật giáo, điều mà Hồ Chí Minh tâm đắc nhất là tư tưởng lấy con người làm trung tâm và tất cả vì con người. Trong đấu tranh cách mạng vô cùng gian khổ, đầy hi sinh mất mát, Người vẫn luôn đau đáu nỗi lòng về tự do, hạnh phúc của nhân dân. Ngày nay, xây dựng đất nước trong hòa bình càng phải quan tâm đến cuộc sống vật chất và tinh thần của mọi tầng lớp nhân dân. Bởi vậy, phải lựa chọn mô hình phát triển hài hòa, không chạy theo tăng trưởng kinh tế thuần túy, mà phải quan tâm đến sự phát triển của các phương diện văn hóa, xã hội, môi trường và đặc biệt là sự phát triển toàn diện của con người, không chỉ của một số tầng lớp mà của toàn xã hội. Đó là ý nghĩa cao quý của tư tưởng về phát huy tinh hoa Phật giáo mà Hồ Chí Minh để lại cho chúng ta ngày nay.

Hai là, định hướng cho việc phát huy nguồn lực tôn giáo trong phát triển kinh tế - xã hội. Với nhiều lý do khác nhau, một thời gian ở Việt Nam chưa chú ý đến phương diện văn hóa của tôn giáo. Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh thấy rằng, với Người, các tôn giáo chân chính nói chung và Phật giáo nói riêng là một bộ phận quan trọng của văn hóa, hơn nữa là nguồn lực của cách mạng. Quán triệt tư tưởng của Người về Phật giáo, điều cần thay đổi là có nhận thức khách quan về giá trị tôn giáo và biến những giá trị đó thành nguồn lực cho phát triển xã hội.

Ba là, định hướng cho việc tiếp tục củng cố, phát huy sức mạnh toàn dân tộc vào mục tiêu phát triển nhanh và bền vững đất nước. Đương thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thức rất rõ vai trò của tín đồ tôn giáo nói chung và Phật tử nói riêng trong đời sống xã hội và đối với sự nghiệp cách mạng. Quán triệt tư tưởng của Người, cần tạo cơ chế để khuyến khích, thúc đẩy tín đồ các tôn giáo tích cực tham gia vào công cuộc phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống của bản thân, gia đình và làm giàu cho đất nước.

Bốn là, định hướng cho hội nhập, tăng cường quan hệ và hợp tác quốc tế. Tư tưởng Phật giáo về “tính Phật”, “lục hòa”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nâng tầm lên tư tưởng nhân văn hòa bình thế giới. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng hiện nay, việc tăng cường quan hệ, hợp tác quốc tế là điều tất yếu. Tuy nhiên, trong bối cảnh diễn biến quan hệ quốc tế hết sức phức tạp hiện nay, việc xác định quan điểm, lập trường đối ngoại càng đóng vai trò quan trọng. Chính nghĩa, thủy chung, chuộng hòa bình chính là những bài học Hồ Chí Minh để lại cho thế hệ sau khi Người kế thừa và phát huy tinh hoa, giá trị Phật giáo.

Kết luận

Từ chủ nghĩa yêu nước truyền thống, trải qua quá trình tìm đường cứu nước, cứu dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đến với Chủ nghĩa Mác - Lênin và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Đồng thời, Người còn kế thừa truyền thống văn hóa dân tộc, tinh hoa văn hóa nhân loại, trong đó có tinh hoa Phật giáo để hình thành nên đường lối giải phóng dân tộc và xây

dựng đất nước đúng đắn, đem lại những thắng lợi vẻ vang cho cách mạng Việt Nam. Đó là thực hiện thành công Cách mạng Tháng Tám 1945, giành lại độc lập dân tộc, chiến thắng hai cuộc chiến tranh xâm lược của hai đế quốc lớn là Pháp và Mỹ, thống nhất đất nước, xây dựng những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đất nước. Phật giáo với tư cách là một học thuyết nhân bản, nhân văn đã ghi dấu ấn sâu đậm trong tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Người không những đã tiếp thu, kế thừa và phát huy giá trị tinh hoa của Phật giáo trong tư tưởng cứu nước, cứu dân mà còn thực hành và khuyến khích, vận động Phật tử cùng phát huy những giá trị văn hóa tốt đẹp đó trong thực tiễn cách mạng. Trong giai đoạn hiện nay, tư tưởng của Người về phát huy những giá trị của Phật giáo vẫn tiếp tục có ý nghĩa quan trọng, góp phần gợi mở và định hướng cho việc phát huy các giá trị văn hóa, đạo đức tốt đẹp và các nguồn lực của Phật giáo nói riêng, của tôn giáo nói chung trong công cuộc đổi mới toàn diện, đồng bộ đất nước hiện nay./.

CHÚ THÍCH:

- 1 Nguyễn Tài Thư (1988), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 5.
- 2 Phùng Hữu Phú (chủ biên), Thích Minh Trí (1997), *Hồ Chí Minh với Phật giáo (1945-1969)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.14.
- 3 Phạm Đình Liên (2010), “Hồ Chí Minh với Phật giáo Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo*, số 2, tr.13.
- 4 Bác Hồ hồi ký (2001), Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, tr.209.
- 5 *Những năm tháng bên Bác* (1985), Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, tr.135.
- 6 *Hồ Chí Minh - Toàn tập* (2011), Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà nội, tập 5, trang 228.
- 7 *Hồ Chí Minh - Toàn tập* (2011), Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tập 3, trang 305.
- 8 *Hồ Chí Minh - Toàn tập* (2011), Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tập 3, trang 308.
- 9 *Hồ Chí Minh - Toàn tập* (2011), Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tập 3, trang 352.
- 10 *Hồ Chí Minh - Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tập 3, trang 376.
- 11 *Hồ Chí Minh - Toàn tập* (2011), Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tập 7, trang 95.

- 12 *Hồ Chí Minh* - Toàn tập (2011), Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tập 15, trang 627.
- 13 *Hồ Chí Minh* - Toàn tập, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tập 15, trang 280.
- 14 *Hồ Chí Minh* - Toàn tập (2011), Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tập 1, trang 14.
- 15 *Hồ Chí Minh* - Toàn tập (2011), Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tập 1, trang 208.
- 16 *Hồ Chí Minh* - Toàn tập (2011), Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tập 10, trang 472.
- 17 *Hồ Chí Minh* - Toàn tập (2011), Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tập 5, trang 228-229.
- 18 Phùng Hữu Phú (chủ biên), Thích Minh Trí (1997), *Hồ Chí Minh với Phật giáo (1945-1969)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 25.
- 19 Phùng Hữu Phú (Chủ biên), Thích Minh Trí (1997) *Hồ Chí Minh với Phật giáo (1945-1969)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 28.
- 20 *Hồ Chí Minh* - Toàn tập (2011), Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tập 10, tr. 473.
- 21 *Hồ Chí Minh* - Toàn tập (2011), Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tập 14, tr. 383.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Bác Hồ hồi ký* (2001), Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
2. Lê Cung (2009), “Chủ tịch Hồ Chí Minh với Phật giáo”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 3.
3. Lê Cường (2008), “Hồ Chí Minh với Phật giáo”, Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật*, số 291.
4. Nguyễn Đại Đồng (2012), “Chủ tịch Hồ Chí Minh với Phật giáo”, Tạp chí *Nghiên cứu Tôn giáo*, số 6.
5. Giáo hội Phật giáo Việt Nam – Ban Văn hóa Trung ương (2011), *Chủ tịch Hồ Chí Minh với Phật giáo*, Nxb. Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh.
6. Hồ Chí Minh – Toàn tập (2011), Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, tập 1.
7. Hồ Chí Minh – Toàn tập (2011), Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, tập 3.
8. Hồ Chí Minh – Toàn tập (2011), Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, tập 5.
9. Hồ Chí Minh – Toàn tập (2011), Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, tập 7.
10. Hồ Chí Minh – Toàn tập (2011), Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, tập 10.

11. Hồ Chí Minh – Toàn tập (2011), Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, tập 14.
12. Hồ Chí Minh – Toàn tập (2011), Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội, tập 15.
13. Hồ Trọng Hoài, Nguyễn Thị Nga (2006), *Quan điểm của C. Mác – Ph. Ăngghen – V.I. Lê nin – Hồ Chí Minh về tôn giáo và sự vận dụng của Đảng Cộng sản*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
14. Thích Quảng Hợp (2018), “Chủ tịch Hồ Chí Minh và giáo lý Phật giáo”, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, số 5.
15. Vũ Mạnh Hùng (2017), “ Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy giá trị Phật giáo”, *Vietnam review for Indian and Asian studies*, số 4.
16. Nguyễn Lang (1992), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập 1, Nxb. Văn học, Hà Nội.
17. Phạm Đình Liên (2010), “Hồ Chí Minh với Phật giáo Việt Nam”, *Tạp chí Nghiên cứu Tôn giáo*, số 2.
18. Lê Văn Lợi (2012), *Văn hóa tôn giáo trong đời sống tinh thần xã hội Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị - Hành chính quốc gia, Hà Nội.
19. Lê Văn Lợi (2015), “Giá trị nhân văn và phát triển trong tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo”, *Tư tưởng Hồ Chí Minh – Giá trị nhân văn và phát triển*, Kỷ yếu Hội thảo cấp quốc gia, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội.
20. Nguyễn Đức Lữ (2011), *Tôn giáo – Quan điểm, chính sách đối với tôn giáo của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay*, Nxb. Lý luận Chính trị - Hành chính, Hà Nội.
21. *Những năm tháng bên Bác* (1985), Nxb. Công an Nhân dân, Hà Nội.
22. Phùng Hữu Phú (chủ biên), Thích Minh Trí (1997), *Hồ Chí Minh với Phật giáo (1945-1969)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
23. Nguyễn Đức Quỳnh (2015), “Nét tinh hoa Phật giáo trong tư tưởng Hồ Chí Minh”, *Tạp chí Nghiên cứu Phật học*, số 3.
24. Mạch Quang Thắng (2017), *Góp phần tìm hiểu tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội.
25. Nguyễn Tài Thư (1988), *Lịch sử Phật giáo Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
26. Trần Dân Tiên (1975), *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội. Hoàng Anh Tuấn, Thích Quảng Hợp (2018), “Giáo lý Phật giáo qua lăng kính Hồ Chí Minh”, <http://baotanghochiminh.vn/giao-ly-phat-giao-qua-lang-kinh-ho-chi-minh.htm>
27. Hoàng Ngọc Vĩnh (2002), “Hồ Chí Minh với Đạo Phật”, *Tạp chí Triết học*, số 4 (131).

Abstract**PRESIDENT HO CHI MINH AND INHERITANCE,
PROMOTION THE BUDDHIST VALUES IN THE CAREER
OF NATIONAL LIBERATION AND DEVELOPMENT****Le Van Loi***Ho Chi Minh National Academy of Politics*

President Ho Chi Minh was a national hero, an outstanding cultural celebrity with the convergence of the most beautiful qualities of the Vietnamese. His thought was the crystallization of the national cultural tradition and the quintessence of human culture, including Buddhism. As a great thinker of the revolution, he found the noble human values of Buddhism that need to be inherited and promoted in revolutionary practice. He has always encouraged Buddhists and all Vietnamese people to promote the Buddhist values and cultural traditions in the cause of national construction and the struggle for peace of the world. Ho Chi Minh's thought on inheriting and promoting the Buddhist quintessence has great values and practical significance for the current national renewal.

Keywords: President Ho Chi Minh; Inheritance; Promotion; Buddhist quintessence; National liberation; Development; Vietnam.